

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV và Chương trình hành động số 33-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW), Chương trình hành động số 33-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam (sau đây viết tắt là Chương trình hành động số 33-CTr/TW), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động cụ thể như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tạo sự thống nhất cao về nhận thức, chuyển biến mạnh mẽ trong hành động của cả hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến cơ sở, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về đổi mới mô hình phát triển đất nước.

- Nêu cao trách nhiệm, quyết tâm chính trị của các cấp ủy, tổ chức đảng trong tổ chức thực hiện Nghị quyết; cụ thể hóa nội dung Nghị quyết; phân công rõ trách nhiệm, nguồn lực, tiến độ, sản phẩm và các điều kiện cần thiết, làm căn cứ để các cấp, các ngành thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; thường xuyên rà soát, bổ sung, cập nhật các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp mới, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

2. Yêu cầu

- Việc thực hiện Nghị quyết phải được chỉ đạo quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, gắn với việc triển khai thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp và các nghị quyết chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng, chỉnh đốn Đảng; phát huy dân chủ, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 19-NQ/TW; bảo đảm thực chất, hiệu quả, tuyệt đối không hình thức.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết định kỳ.

II- MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

Hoàn thành các nền tảng cho mô hình phát triển mới trên các lĩnh vực, phù hợp với trình độ phát triển của tỉnh. Tạo đột phá về xây dựng, hoàn thiện thể chế; về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng chiến lược, hạ tầng năng lực tri thức, nguồn nhân lực chất lượng cao và các doanh nghiệp dẫn dắt; thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng. Nghệ An trở thành tỉnh khá của cả nước, cực tăng trưởng có vai trò động lực của vùng Bắc Trung Bộ và tầm quốc gia; phát triển nhanh, bền vững, mạnh về kinh tế biển; là trung tâm của vùng về công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, y tế, giáo dục, khoa học, công nghệ, thương mại, logistics và du lịch, đồng thời là đầu mối kết nối giao thương Đông - Tây với Lào và tiểu vùng Mê Công mở rộng.

2. Mục tiêu đến năm 2035

Hoàn thành cơ bản quá trình chuyển đổi sang mô hình phát triển tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững và hội nhập; hình thành đồng bộ các mô hình thành phần trên các lĩnh vực: quản trị; kinh tế; xã hội; văn hóa, con người; môi trường sinh thái; quốc phòng, an ninh; đối ngoại và hội nhập quốc tế.

3. Mục tiêu đến năm 2045

Hoàn thành chuyển đổi sang mô hình phát triển tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững, hội nhập và các mô hình thành phần trên các lĩnh vực được vận hành đồng bộ, hài hòa, hiệu quả. Nghệ An trở thành tỉnh có thu nhập cao, phát triển toàn diện, văn minh, hiện đại.

4. Chỉ tiêu cụ thể: Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về thể chế, quản trị và hoàn thiện hệ thống chính trị

1.1. Nội dung thực hiện

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; lấy năng lực lãnh đạo, hoạch định chiến lược, kiến tạo thể chế, tổ chức thực thi và tự chỉnh đốn, tự đổi mới làm trọng tâm; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tổ chức và cán bộ là yếu tố cốt lõi của quản trị. Xác định đánh giá cán bộ là khâu đột phá và lấy hiệu quả công việc làm thước đo chủ yếu; khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; có cơ chế liên thông trong tuyển dụng, thu hút, sử dụng chuyên gia, nhân lực chất lượng cao giữa khu vực công và khu vực tư. Đổi mới căn bản công tác xây dựng và triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận của

Đảng, bảo đảm thống nhất từ chủ trương đến hành động, từ mục tiêu đến kết quả, theo quy trình thực thi “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ nguồn lực, rõ thời gian và rõ sản phẩm đầu ra. Đổi mới cơ chế quản trị theo mục tiêu, kết quả đầu ra và tác động phát triển; đề cao trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; kiên quyết phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, quan liêu, trì trệ và né tránh trách nhiệm.

- Chuyển từ quản lý hành chính đơn thuần sang kiến tạo hệ sinh thái phát triển, đặc biệt là hệ sinh thái công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao và logistics. Tập trung xây dựng, ban hành đồng bộ các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh, khơi thông mọi nguồn lực, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho sự phát triển, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hai con số. Nghiên cứu ban hành các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát phù hợp đối với từng lĩnh vực; bảo đảm nhất quán trong nhận thức và thực thi cơ chế chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý.

- Xây dựng, hoàn thiện chính quyền điện tử, chính quyền số, dữ liệu dùng chung và nền tảng số để theo dõi, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư, quy hoạch và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội; bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an toàn thông tin số tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn.

- Tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc mỗi việc chỉ giao một cơ quan đầu mối chủ trì; hoàn thiện và vận hành hiệu quả mô hình chính quyền địa phương hai cấp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; xây dựng cấp cơ sở đủ năng lực, thẩm quyền và nguồn lực; phát huy vai trò tập hợp, vận động, giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp; phát huy dân chủ và quyền làm chủ của Nhân dân.

1.2. Cơ quan chủ trì tham mưu: Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ.

1.3. Cơ quan phối hợp: Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan.

1.4. Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

2. Về kinh tế

2.1. Nội dung thực hiện

- Xác lập mô hình tăng trưởng mới dựa trên năng suất, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và nguồn nhân lực chất lượng cao; hiện đại hóa các động lực tăng trưởng truyền thống; phát triển mạnh các động lực tăng trưởng mới từ công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ giá trị

cao, nông nghiệp thông minh, kinh tế số, kinh tế dữ liệu, kinh tế xanh, các mô hình kinh tế mới và các ngành giá trị gia tăng cao.

- Tổ chức lại không gian phát triển kinh tế theo mô hình: 01 trung tâm động lực tăng trưởng chính (Khu kinh tế Đông Nam); 02 cực tăng trưởng (Khu vực đô thị Vinh gắn với Cửa Lò; Khu vực Hoàng Mai - Đông Hồi gắn với vùng Thái Hòa, Nghĩa Đàn); 03 vùng không gian phát triển (vùng đồng bằng, ven biển; vùng trung du; vùng miền núi phía Tây); 04 trụ cột phát triển (công nghiệp, thương mại, nông nghiệp, kinh tế biển); 05 hành lang kinh tế (hành lang kinh tế biển, hành lang kinh tế đường Hồ Chí Minh, hành lang kinh tế Quốc lộ 7A, hành lang kinh tế Quốc lộ 48A, hành lang kinh tế cao tốc Vinh - Thanh Thủy); 06 vùng đô thị động lực (Đô thị Vinh, đô thị Hoàng Mai, đô thị Thái Hòa, đô thị Diễn Châu, đô thị Đô Lương, đô thị Trà Lĩnh). Thực hiện liên kết đồng bộ đất liền - vùng biển - vùng trời - lòng đất - không gian số và các không gian phát triển mới; chuyển từ phát triển theo địa giới hành chính sang phát triển theo chức năng, tiềm năng, lợi thế, điều kiện tài nguyên - môi trường và liên kết vùng, liên kết ngành.

- Nghiên cứu, định hướng thành lập Khu kinh tế đặc biệt tại Nghệ An trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của Khu kinh tế Đông Nam, Cảng nước sâu Cửa Lò, hệ thống khu công nghiệp và các không gian phát triển liên quan; gắn với phát triển logistics, công nghiệp công nghệ cao, đô thị, dịch vụ hiện đại và các ngành, lĩnh vực có lợi thế; nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách vượt trội, có sức cạnh tranh quốc tế, tạo động lực tăng trưởng mới cho tỉnh. Ưu tiên phát triển khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp chuyên ngành, công nghệ cao; thu hút có chọn lọc các dự án có công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao, sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng và bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Phát triển công nghiệp Nghệ An theo hướng hiện đại, xanh, bền vững, có trọng tâm, trọng điểm; lấy công nghiệp chế biến, chế tạo làm trụ cột, đồng thời thu hút có chọn lọc các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chiến lược, có giá trị gia tăng và khả năng lan tỏa lớn. Ưu tiên phát triển điện tử, công nghệ thông tin, dữ liệu số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), cơ khí chế tạo, cơ khí chính xác, tự động hóa, công nghiệp hỗ trợ, chế biến sâu nông, lâm, thủy sản, năng lượng sạch, vật liệu mới và công nghiệp biển; gắn phát triển công nghiệp với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, đổi mới công nghệ và bảo vệ môi trường. Nghiên cứu, định hướng hình thành trung tâm năng lượng tại Nghệ An, gắn với phát triển đồng bộ hạ tầng năng lượng, công nghiệp, cảng biển, logistics và bảo đảm an ninh năng lượng.

- Phát triển khu vực dịch vụ trở thành một trong các trụ cột quan trọng của tăng trưởng kinh tế của tỉnh, gắn với mục tiêu xây dựng tỉnh trở thành trung

tâm vùng Bắc Trung Bộ về thương mại, logistics, du lịch, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chuyển mạnh từ mô hình dịch vụ truyền thống, phân tán sang mô hình dịch vụ hiện đại, chuyên nghiệp, giá trị gia tăng cao, có khả năng hỗ trợ trực tiếp cho công nghiệp, nông nghiệp hàng hóa, kinh tế biển, đô thị hóa, thương mại biên giới và hội nhập quốc tế. Ưu tiên phát triển các nhóm dịch vụ trọng tâm gồm: thương mại hiện đại, logistics, du lịch chất lượng cao, kinh tế đêm và dịch vụ đô thị; tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; y tế chuyên sâu, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất, kinh doanh.

- Phát triển nông, lâm, thủy sản theo hướng hiện đại, xanh, hiệu quả, bền vững; chuyển mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu. Cơ cấu lại ngành gắn với lợi thế từng vùng sinh thái, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, phát triển sản phẩm chủ lực, chăn nuôi tập trung an toàn sinh học, lâm nghiệp bền vững, thủy sản giá trị cao; tăng cường chế biến sâu, liên kết chuỗi giá trị, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và hiệu quả kinh tế rừng, kinh tế biển. Phát triển mạnh kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp; thúc đẩy sử dụng phụ phẩm nông nghiệp, giảm phát thải khí nhà kính. Phát triển kinh tế rừng đa giá trị, gắn quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững với hình thành vùng nguyên liệu gỗ lớn có chứng chỉ, chế biến sâu gỗ và lâm sản ngoài gỗ; phát triển dịch vụ môi trường rừng, tín chỉ carbon rừng và các cơ chế tài chính xanh. Phát triển công nghiệp dược liệu theo chuỗi giá trị, từ bảo tồn nguồn gen, nghiên cứu giống, xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, trồng cây dược liệu dưới tán rừng đến chế biến sâu, sản xuất dược phẩm và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe; ưu tiên khai thác tiềm năng khu vực miền Tây Nghệ An, gắn với tạo sinh kế bền vững, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Phát triển kinh tế biển Nghệ An theo hướng xanh, hiện đại, thông minh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; gắn tăng trưởng kinh tế với bảo vệ tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái biển và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Chuyển từ khai thác lợi thế biển theo từng ngành riêng lẻ sang phát triển tổng hợp, tích hợp theo không gian ven biển; phát huy vai trò của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An và dải ven biển của tỉnh. Tập trung phát triển công nghiệp ven biển, cảng biển, vận tải biển, logistics, dịch vụ hậu cần cảng, thủy sản hiện đại, du lịch biển chất lượng cao, đô thị biển và các ngành kinh tế biển mới như năng lượng tái tạo, năng lượng mới và kinh tế tuần hoàn ven biển. Tăng cường quản lý tổng hợp vùng bờ, kiểm soát ô nhiễm, phòng, chống xói lở, nước biển dâng,

thiên tai, suy giảm nguồn lợi thủy sản; xây dựng cơ sở dữ liệu biển, hạ tầng số phục vụ quản lý, giám sát và điều phối phát triển không gian biển, ven biển.

- Phát triển các thị trường nhân tố sản xuất, nhất là vốn, đất đai, khoa học, công nghệ, dữ liệu và lao động chất lượng cao theo hướng đồng bộ, hiện đại, minh bạch, liên thông; xác lập đầy đủ quyền tài sản đối với kết quả nghiên cứu, thúc đẩy luân chuyển, giao dịch và thương mại hóa công nghệ, tri thức, tài sản trí tuệ; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư tư nhân tham gia đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển các quỹ đầu tư, quỹ đầu tư mạo hiểm và các kênh huy động vốn xã hội cho đổi mới sáng tạo; hình thành và phát triển thị trường giao dịch hàng hóa phái sinh.

- Đổi mới căn bản cơ chế huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực; chuyển từ tư duy phân bổ sang kiến tạo, phát huy hiệu quả nguồn lực; lấy hiệu quả và tác động phát triển làm thước đo; bảo đảm nguyên tắc hạch toán kinh tế tổng thể trong phân bổ, quản lý và sử dụng mọi nguồn lực xã hội; thực hiện phân bổ theo ưu tiên chiến lược, lĩnh vực có năng suất, giá trị gia tăng và sức lan tỏa; lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt đầu tư xã hội; khơi thông, chuyển hóa các nguồn lực tồn đọng thành động lực phát triển.

- Phát triển nhanh lực lượng sản xuất mới, hiện đại; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thực sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và động lực chủ yếu của tăng trưởng. Dữ liệu là tư liệu sản xuất mới và tài nguyên chiến lược; công khai, minh bạch, có kiểm soát dữ liệu khu vực công; triển khai đồng bộ, hiệu quả Chiến lược chuyển đổi trí tuệ nhân tạo quốc gia và các nền tảng dùng chung, nền tảng công dân số.

- Tập trung phát triển lực lượng doanh nghiệp dẫn dắt, doanh nghiệp đầu chuỗi và hệ sinh thái công nghiệp có năng lực cạnh tranh cao gắn với nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả của lực lượng doanh nghiệp Nghệ An; có cơ chế đột phá thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp lớn với doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, hợp tác xã, viện nghiên cứu, trường đại học và các trung tâm đổi mới sáng tạo. Phát triển kinh tế nhà nước thực sự giữ vai trò chủ đạo trong bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn, định hướng chiến lược và dẫn dắt nền kinh tế; phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất; củng cố, phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác; phát triển kinh tế hộ gia đình thành lực lượng sản xuất, kinh doanh năng động, bền vững; thu hút có chọn lọc đầu tư nước ngoài, gắn với chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, tạo sự liên kết, lan tỏa với khu vực kinh tế trong nước.

- Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại gắn với tổ chức lại không gian phát triển mới; tăng cường kết nối vùng động lực phía Đông với vùng trung du, khu vực phía Tây. Ưu tiên các công trình hạ tầng chiến lược có tính kết nối, lan tỏa lớn như đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao đoạn qua Nghệ An, Cảng hàng không quốc tế Vinh, Cảng nước sâu Cửa Lò, cụm cảng Đông Hồi, hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, logistics, thủy lợi và phòng chống thiên tai. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, viễn thông, khoa học - công nghệ, hạ tầng đô thị thông minh; đổi mới phương thức đầu tư, mở rộng hợp tác công - tư, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, khai thác, vận hành hạ tầng, tạo nền tảng phát triển các ngành, lĩnh vực trụ cột và mô hình kinh tế mới.

- Tham gia tái cấu trúc hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, Nhà nước kiến tạo phát triển, định hướng và chia sẻ rủi ro. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia liên kết phát triển. Tạo điều kiện thuận lợi để tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh với doanh nghiệp ngoài tỉnh và doanh nghiệp FDI, hướng tới hình thành các cụm liên kết ngành, liên kết theo chuỗi giá trị, tham gia các chuỗi cung ứng.

- Đổi mới mạnh mẽ liên kết nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; lấy nhu cầu phát triển và doanh nghiệp làm trung tâm; đổi mới phương thức đánh giá hiệu quả nghiên cứu theo hướng chuyển từ chú trọng số lượng nhiệm vụ sang đánh giá thực chất bằng sản phẩm đầu ra, hiệu quả ứng dụng; trao quyền tự chủ cho tổ chức nghiên cứu, bảo đảm lợi ích chính đáng của nhà khoa học; phát triển đồng bộ các nền tảng thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ và tài chính, đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh, hình thành sản phẩm thương mại, doanh nghiệp và ngành kinh tế mới. Thể chế hóa đồng bộ cơ chế liên kết Nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu, trường đại học.

- Đẩy mạnh đô thị hóa, phát triển đô thị toàn tỉnh theo mô hình mạng lưới đô thị đa trung tâm, đa cực với cấu trúc gồm 01 đô thị trung tâm cấp vùng là đô thị Vinh, cùng với các đô thị động lực gồm: Hoàng Mai, Thái Hòa, Đô Lương, Diễn Châu, Trà Lĩnh và hệ thống đô thị trung tâm cấp xã; bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng đồng bằng ven biển, trung du và miền núi phía Tây. Tập trung hình thành và phát triển dải đô thị ven biển từ Vinh đến Hoàng Mai theo hướng hiện đại, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; hình thành các trung tâm công nghiệp, dịch vụ, thương mại và đổi mới sáng tạo gắn với các cực tăng trưởng phía Nam và phía Bắc.

2.2. Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.3. Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, địa phương liên quan.

2.4. Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

3. Về xã hội

3.1. Nội dung thực hiện

- Xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển, có khả năng thích ứng và phục hồi trước các biến động. Triển khai các phương thức quản trị phát triển xã hội hiện đại, chủ động, dựa trên nền tảng dữ liệu, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xây dựng nền an ninh con người chủ động, toàn diện, bao trùm, hiện đại và bền vững; hình thành hệ thống phát hiện, cảnh báo và xử lý sớm các nguy cơ mất ổn định, mất an toàn xã hội; phát triển các thiết chế hòa giải, đối thoại và trợ giúp pháp lý ở cơ sở.

- Xây dựng mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội chuyên môn hóa, đa dạng loại hình dịch vụ theo hướng hiện đại, chăm sóc toàn diện cả thể chất và tinh thần, kết hợp giữa điều trị y tế, tư vấn tâm lý, phục hồi chức năng và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng, bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận các dịch vụ xã hội thiết yếu. Thúc đẩy xã hội hóa lĩnh vực bảo trợ xã hội, từng bước hình thành hệ thống an sinh xã hội hiện đại, nhân văn và bền vững. Bảo đảm an sinh xã hội, tiến bộ, công bằng xã hội, đặc biệt là đối với người nghèo, người có công, đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, đối tượng yếu thế; thu hẹp chênh lệch vùng miền.

- Xây dựng và phát triển hệ thống y tế Nghệ An hiện đại, thông minh, toàn diện, chất lượng và bền vững; chuyển trọng tâm từ khám, chữa bệnh sang chủ động phòng bệnh, quản lý và chăm sóc sức khỏe toàn diện; là trung tâm y tế kỹ thuật chuyên sâu của khu vực Bắc Trung Bộ. Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ tiên tiến, chuyên sâu trong cả khám chữa bệnh và y tế dự phòng, thúc đẩy chuyển đổi số y tế toàn diện. Bảo đảm mọi người dân, đặc biệt là khu vực miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận dịch vụ y tế công bằng, kịp thời và chất lượng cao.

- Đổi mới quản trị phát triển nguồn nhân lực và hiện đại hóa thị trường lao động. Hoàn thiện và phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động để giải quyết việc làm cho người lao động; khuyến khích phát triển dịch vụ việc làm ngoài công lập, cơ chế hợp tác công - tư trong cung cấp dịch vụ việc làm; bảo đảm cơ hội tiếp cận việc làm bền vững, công bằng, không để ai bị bỏ lại phía sau. Xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp và lao động trong Khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, phục vụ công tác quản lý, thống kê, dự báo và kết nối cung - cầu lao động.

3.2. Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.3. Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, địa phương liên quan.

3.4. Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

4. Về văn hóa, con người

4.1. Nội dung thực hiện

- Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Nghệ An toàn diện, thực sự trở thành sức mạnh mềm, nguồn lực nội sinh của phát triển. Triển khai đồng bộ các hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình, chuẩn mực con người và chuẩn mực xã hội từ tỉnh đến cơ sở; gắn xây dựng, hoàn thiện thể chế văn hóa với thực hành và lan tỏa, thấm sâu các hệ giá trị trong đời sống xã hội; đưa văn hóa thượng tôn pháp luật và kỷ cương xã hội trở thành giá trị cốt lõi. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển; phát triển mạnh công nghiệp văn hóa và kinh tế sáng tạo; xây dựng cơ chế, chính sách phát triển các nghệ nhân xuất sắc; đẩy mạnh xuất khẩu văn hóa; tài sản hóa các giá trị văn hóa và xây dựng thị trường tài sản trí tuệ văn hóa; xây dựng văn hóa số, bảo vệ chủ quyền văn hóa số quốc gia.

- Xây dựng nền giáo dục đổi mới toàn diện, hiện đại, bền vững, lấy người học làm trung tâm. Đổi mới giáo dục và đào tạo theo hướng thực học, thực nghiệp, phát triển năng lực sáng tạo, tư duy phản biện, kỹ năng số, tinh thần khởi nghiệp, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo ở các cấp học; xây dựng cơ sở vật chất đạt chuẩn; bảo đảm phẩm chất, năng lực người học đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hướng đến hệ thống giáo dục mở, giáo dục số. Xây dựng xã hội học tập và cơ chế học tập suốt đời; đẩy mạnh bình dân học vụ số và tri thức hóa nông dân. Tổ chức lại các trường đại học, cao đẳng theo hướng tinh gọn, đa ngành, đa nghề, hiện đại và hội nhập quốc tế.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng phát triển kỹ năng số, năng lực thực hành, năng lực sáng tạo và khả năng học tập suốt đời. Xây dựng các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực và hội nhập quốc tế. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; tạo điều kiện, môi trường làm việc năng động, sáng tạo để đội ngũ trí thức phát huy năng lực, sở trường, đóng góp hiệu quả vào quá trình phát triển.

- Chuyển căn bản tư duy từ quản lý quy mô, cơ cấu dân số sang phát triển vốn dân số, coi dân số là nguồn lực chiến lược của tăng trưởng dài hạn; nâng cao chất lượng dân số, gắn chính sách dân số với phát triển nguồn nhân lực, an

sinh xã hội và thị trường lao động. Chủ động xây dựng các giải pháp để thích ứng với già hóa dân số; chuyển từ tư duy ứng phó sang khai thác cơ hội phát triển từ chuyển đổi dân số; phát triển mạnh “kinh tế bạc” và hệ sinh thái, sản phẩm, dịch vụ cho người cao tuổi.

4.2. Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

4.3. Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, địa phương liên quan.

4.4. Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

5. Về môi trường sinh thái

5.1. Nội dung thực hiện

- Coi quản trị tài nguyên, môi trường là trụ cột của phát triển bền vững gắn với bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, thích ứng với biến đổi khí hậu và khả năng chống chịu của nền kinh tế. Xây dựng văn hóa sinh thái, thúc đẩy lối sống xanh, hài hòa với thiên nhiên. Tham gia hiệu quả thị trường tín chỉ carbon và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 theo lộ trình phù hợp; thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi xanh trong các ngành, lĩnh vực và có cơ chế hỗ trợ vùng sản xuất.

- Tăng cường các biện pháp quản lý, cải tạo và phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, chất lượng môi trường không khí, nước, đất tại các đô thị, lưu vực sông, biển, khu vực khai thác khoáng sản; kiểm soát chặt chẽ nguồn xả thải, chất thải rắn, nhất là chất thải rắn sinh hoạt; bảo vệ và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, tài nguyên rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Tích hợp yêu cầu bảo vệ tài nguyên, môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu vào quy hoạch, phân bổ ngân sách và quyết định đầu tư.

- Chủ động phòng ngừa, kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm; giải quyết kịp thời các vấn đề môi trường, cải thiện môi trường sống của người dân. Chủ động thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai; ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng và phát triển các đô thị chống chịu với biến đổi khí hậu. Đổi mới công tác phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu theo hướng chuyển mạnh từ ứng phó bị động sang quản trị rủi ro chủ động; từ xử lý hậu quả sang phòng ngừa từ sớm, từ xa; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua bảo đảm độ che phủ của rừng, hạn chế suy kiệt và ô nhiễm tài nguyên thiên nhiên, đầu tư nâng cấp để tăng cường khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng, công trình phòng chống thiên tai, nhất là đê điều, hồ đập, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, hệ thống quan trắc, cảnh báo sớm, cơ sở dữ liệu trong công tác phòng, chống thiên tai.

Chuyển đổi dần các hoạt động sản xuất, sinh hoạt theo hướng thân thiện với môi trường sinh thái và ít phát thải khí nhà kính.

5.2. Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

5.3. Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, địa phương liên quan.

5.4. Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

6. Về quốc phòng, an ninh

6.1. Nội dung thực hiện

- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, hiện đại, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân liên hoàn; gắn thế trận quốc phòng số, thế trận an ninh số với thế trận lòng dân vững chắc. Đổi mới công tác xây dựng khu vực phòng thủ và diễn tập khu vực phòng thủ theo hướng sát hợp tình hình thế giới, khu vực, trong nước và trên địa bàn tỉnh.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, tạo môi trường ổn định, thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tích cực phối hợp, tạo điều kiện triển khai các nhiệm vụ, dự án về công nghiệp an ninh, an ninh mạng và công nghệ lưỡng dụng phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; nâng cao năng lực sẵn sàng chiến đấu, quản lý, bảo vệ biên giới, biển, không gian mạng; đẩy mạnh ứng dụng phương tiện, công nghệ trong tác chiến điện tử, phương tiện không người lái, rô-bốt và các lĩnh vực an ninh, tình báo, khoa học, công nghệ, kỹ thuật chuyên ngành. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, hiện đại hóa lực lượng vũ trang, nhất là lực lượng quân sự, công an cấp xã.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược an ninh quốc gia; bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, an ninh chế độ, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, tư tưởng, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh mạng, an ninh công nghệ, an ninh tài chính và an ninh các không gian, lĩnh vực mới; có kịch bản, phương án chủ động ứng phó với các hình thái xâm phạm an ninh mới, các tình huống khủng hoảng; xây dựng kịch bản khung đối với an ninh phi truyền thống.

- Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ứng phó và xử lý hiệu quả các nguy cơ, thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Tăng cường bảo vệ người dân trước thách thức an ninh phi truyền thống và trên không gian mạng. Tập trung đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, xây dựng xã hội trật tự,

kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển. Tiếp tục xây dựng, nhân rộng mô hình xã, phường không ma túy; nghiên cứu xây dựng xã, phường không tội phạm; phát huy hiệu quả công tác đối ngoại trong bảo đảm an ninh, trật tự từ sớm, từ xa, từ bên ngoài và khu vực biên giới.

6.2. Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh.

6.3. Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

6.4. Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

7. Về đối ngoại và hội nhập quốc tế

7.1. Nội dung thực hiện

- Phát huy vai trò tiên phong, nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của công tác đối ngoại; xây dựng nền đối ngoại, ngoại giao toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp; kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, đa phương hóa, đa dạng hóa, góp phần bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở luật pháp quốc tế; phát huy sức mạnh tổng hợp của đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân.

- Kiên trì giải quyết các vấn đề biên giới, lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế. Thường xuyên thúc đẩy công tác đối ngoại biên giới để duy trì, phát triển đường biên giới hòa bình, hữu nghị, an ninh, hợp tác và phát triển giữa Nghệ An với các tỉnh của Lào; duy trì cơ chế giao lưu hữu nghị quốc phòng biên giới, phối hợp công việc hiệu quả giữa các lực lượng bảo vệ biên giới của Nghệ An với các tỉnh biên giới của Lào; góp phần xử lý ổn thỏa các vấn đề biên giới, lãnh thổ với các tỉnh biên giới của Lào trên tinh thần đoàn kết, hữu nghị, hợp tác và cùng phát triển.

- Lấy ngoại giao kinh tế làm trọng tâm; gắn hoạt động đối ngoại với thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ. Tăng cường quảng bá đầu tư, thương mại, du lịch, tiềm năng phát triển, khả năng tham gia chuỗi cung ứng của tỉnh, kết nối các doanh nghiệp trong tỉnh với các đối tác trong và ngoài nước thông qua đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, đăng cai tổ chức và tham dự các chương trình, sự kiện, hội nghị, hội thảo quốc tế lớn có tầm ảnh hưởng trong, ngoài tỉnh, trong hợp tác khu vực, ASEAN, tiểu vùng Mê Công và quốc tế. Thực thi và tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA) và các hiệp định thương mại song phương, đa phương mà Việt Nam là thành viên nhằm đưa Nghệ An hội nhập sâu rộng vào chuỗi cung ứng quốc gia và quốc tế, nâng cao vị thế của tỉnh trong các chuỗi giá trị và trong đánh giá của các đối tác; xây dựng và bảo vệ các thương hiệu địa phương đạt tầm quốc tế; chủ động thực thi các quy tắc và luật lệ chung về thương mại quốc tế.

- Củng cố và làm sâu sắc hơn quan hệ của tỉnh Nghệ An với các đối tác, nhất là các tỉnh của nước bạn Lào; các tỉnh, thành phố đã thiết lập quan hệ hữu nghị, hợp tác: tỉnh Gyeonggi, thành phố Gwangju (Hàn Quốc), tỉnh Ulyanovsk (Liên bang Nga), Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, tỉnh Hồ Nam (Trung Quốc), tỉnh Gifu (Nhật Bản); các tỉnh thuộc Hiệp hội 9 tỉnh, 3 nước Việt Nam - Lào - Thái Lan sử dụng đường 8 và đường 12; các địa phương thuộc khu vực Đông Nam Á, Đông Bắc Á và các khu vực khác; các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, các tổ chức quốc tế, nhằm gia tăng tin cậy chính trị và hiệu quả hợp tác.

- Đa dạng hóa đối tác, thị trường, chuỗi cung ứng và hệ sinh thái công nghệ. Kết nối chuyên gia, nhà khoa học, đối tác quốc tế và tham mưu ký kết các chương trình hợp tác quốc tế phục vụ cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Phát huy mạnh mẽ nguồn lực và vai trò của cộng đồng người Nghệ An ở nước ngoài.

7.2. Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

7.3. Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, địa phương liên quan.

7.4. Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh tổ chức phổ biến, quán triệt sâu rộng và triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW, Chương trình này gắn với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; bảo đảm kịp thời, thiết thực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đề ra.

2. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh cụ thể hóa, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình hành động này; phân công rõ trách nhiệm của từng sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị trong triển khai nhiệm vụ; tổng hợp, đánh giá, sơ kết, tổng kết, định kỳ báo cáo theo quy định.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp phối hợp với chính quyền phát động phong trào thi đua sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân; tổ chức giám sát việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình hành động này.

4. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy:

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình hành động này đến từng chi bộ, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy thực hiện kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động của Tỉnh ủy đối với các cấp ủy, tổ chức đảng.

- Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Đảng ủy UBND tỉnh thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện; bảo đảm các nhiệm vụ được triển khai đồng bộ, nghiêm túc và đạt kết quả thực chất.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Các cơ quan chuyên trách TM, GV Tỉnh ủy;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Hoàng Nghĩa Hiếu